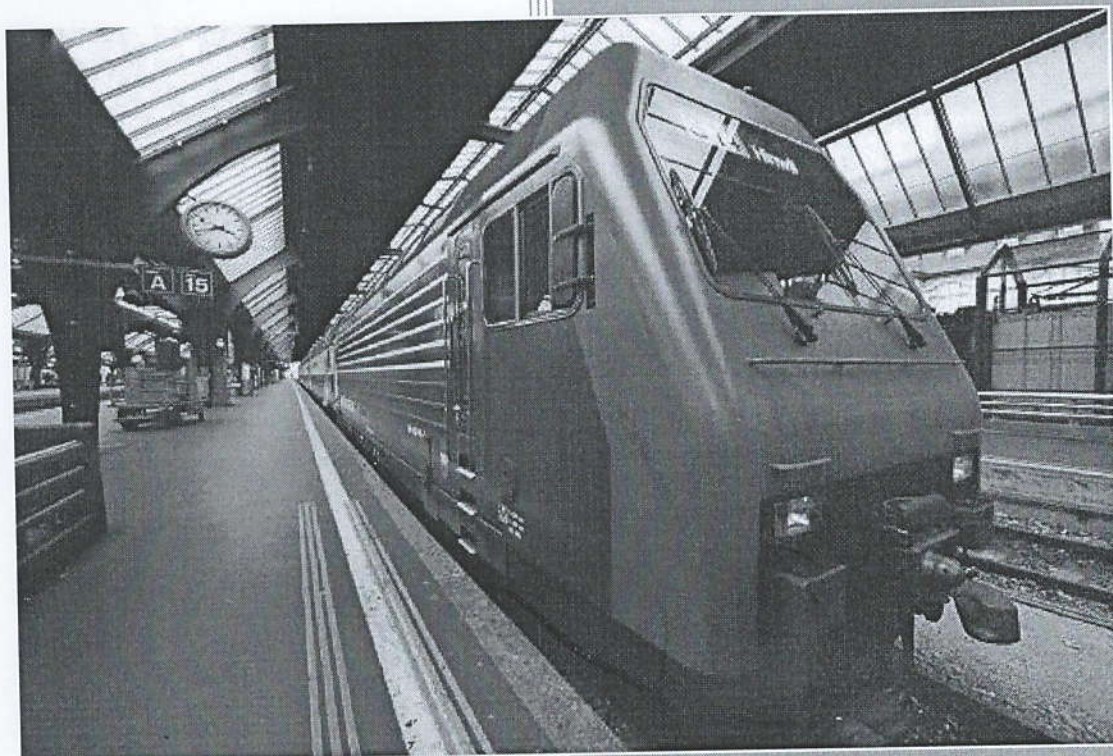


**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN
TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Địa chỉ: 01, Nguyễn Thông, P9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) - 3931 7790 Fax (028) 3846 6484
Websites: www.ttthsaigon.vn

2017

Báo Cáo Thường Niên



Tp. HCM, 28/03/2018

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
01	Thông tin chung về Công ty, quá trình hình thành và phát triển	01
02	Mô hình quản trị, bộ máy quản lý, định hướng phát triển	03-05
02	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, 2017 đã được kiểm toán	09
04	Ban điều hành (HĐQT, Người quản lý, Ban Kiểm soát) và Người lao động trong Công ty	14-21
05	Tình hình Tài chính, các chỉ tiêu và phân tích các chỉ tiêu tài chính – Cơ cấu cổ phần, cơ cấu cổ đông	22-25
06	Cơ cấu cổ phần, cơ cấu cổ đông	25
07	Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD	26
08	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	29
09	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc	32
10	Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018	33
11	Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán (Phụ lục kèm theo):	PL
	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban Giám đốc - Ý kiến của Kiểm toán viên 	
	Số liệu Báo cáo tài chính sau kiểm toán (Phụ lục kèm theo)	PL
	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng cân đối kế toán - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh - Báo cáo luân chuyển tiền tệ - Thuyết minh báo cáo tài chính 	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (ANNUAL REPORT)
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
(SAIGON RAILWAYS OF TELECOMMUNICATION SIGNALIZATION
JOINT STOCK COMPANY)

Năm 2017

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

1.1. Thông tin về công ty:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: 0301097524, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11/05/2017.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **30.741.000.000**, đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: **30.741.000.000**, đồng
- Địa chỉ/ *Address*: **Số 01, đường Nguyễn Thông, phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh**
- Số điện thoại/ *Telephone*: **(028) 3846 6485**
- Số fax/ *Fax*: (028) 3 8466 484.
- Website: **www.ttthsaigon.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: **TSG**

1.2. Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process:

Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn (TTTH ĐSSG) trải qua 40 năm truyền thống xây dựng và phát triển, với 6 lần được đổi tên và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, phù hợp, gắn liền với sự phát triển của Tổng công ty ĐSVN; cụ thể như sau:

a. Giai đoạn 1976 - 1979:

Đoạn Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 107/TC-LĐTL ngày 28/4/1979 của Tổng cục Đường sắt, là đơn vị sản xuất cơ sở của Tổng cục Đường sắt, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quận Đường sắt 3 và sự lãnh đạo, chỉ đạo về kỹ thuật nghiệp vụ của Sở Thông tin tín hiệu Tổng cục đường sắt (TCĐS).

b. Giai đoạn 1983 -1986:

Đoạn TTTH ĐS Sài Gòn được đổi thành Xí nghiệp TTTH số 5 theo Quyết định số 883/ĐS-TC ngày 30/11/1983 của TCĐS; thuộc phạm vi quản lý từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì.

c. Giai đoạn từ tháng 4/1986 đến 1989:

- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5 được đổi thành Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 124/ĐS-TC ngày 1/4/1986 của Tổng cục Đường Sắt. Phạm vi quản lý kéo dài từ Sài Gòn đến đầu nam ga Lê Trạch (Quảng Bình), cụ thể: từ cột thử dây số 133 khu gian Thạch Khê – Lê Trạch tới Tp. Hồ Chí Minh với 81 ga và 1000 km đường dây thông tin

- Đến tháng 8/1987, tổ chức tiếp tục thay đổi và phạm vi quản lý trở lại như ban đầu (từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì).

d. Giai đoạn 1989 đến 1998:

- Năm 1998, theo Quyết định số 882 ngày 17/4/1998 của Bộ GTVT, về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh được đổi tên thành Xí nghiệp TTTH ĐS Sài Gòn trực thuộc Liên hiệp ĐSVN được thành lập trên cơ sở chuyển đổi thành đơn vị sự nghiệp kinh tế.

- Xí nghiệp TTTH Đường sắt Sài Gòn là tổ chức sản xuất phục vụ, hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, được mở tài khoản tại Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, được sử dụng con dấu riêng.

e. Giai đoạn 1998 đến 2003:

- Xí nghiệp TTTH Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 734 ngày 20/3/2003 của Bộ Giao thông Vận tải là đơn vị trực thuộc Liên hiệp ĐSVN.

f. Giai đoạn 2003 đến nay:

- Năm 2003, Xí nghiệp TTTH Đường sắt Sài Gòn được đổi tên thành Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn và đã được xếp hạng doanh nghiệp hạng I vào năm 2006.

- Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam được chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên TTTH ĐS Sài Gòn theo quyết định số 1209/QĐ-ĐS, ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty ĐS Việt Nam;

Đây là bước chuyển đổi cơ bản, sâu sắc đối với các Doanh nghiệp Nhà nước trong việc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2005;

- Ngày 08/01/2015, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Ngày 09/12/2015 Công ty đã tổ chức đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 236-238 Nguyễn Công

Trú, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM với giá đấu thành công cao nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công thấp nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công bình quân: 10.100 đồng. Tổng số lượng cổ phần bán được: 67.500 cổ phần

- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày ngày 19/01/2016 với số vốn điều lệ là: 30.741.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ bảy trăm bốn một triệu đồng chẵn*).

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Lines and locations of the business:

- **Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:**

Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt. Xây dựng lắp đặt thiết bị công trình thông tin viễn thông, tín hiệu giao thông; công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình dân dụng, chiếu sáng. Xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, công nghiệp. Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu thép chuyên ngành. Sản xuất kim loại màu và kim loại quý: sản xuất kết cấu thép chuyên ngành (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Kinh doanh dịch vụ viễn thông tin học. Đầu tư kinh doanh bất động sản. Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Du lịch: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ thể thao: kinh doanh các hoạt động thể thao và giải trí thể thao gồm: câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis. Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

- **Địa bàn kinh doanh/Location of business:** từ Tp. Hồ Chí Minh đến nam ga Diêu Trì thuộc tỉnh Bình Định (bao gồm Tp.HCM và các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định) và trên toàn lãnh thổ Việt Nam

2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ *Governance-model*. Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

+ *Hội đồng quản trị* : 03 người, trong đó có 01 chủ tịch và 02 thành viên Ban Kiểm soát : 03 người, gồm một trưởng ban chuyên trách, 2 kiểm soát viên

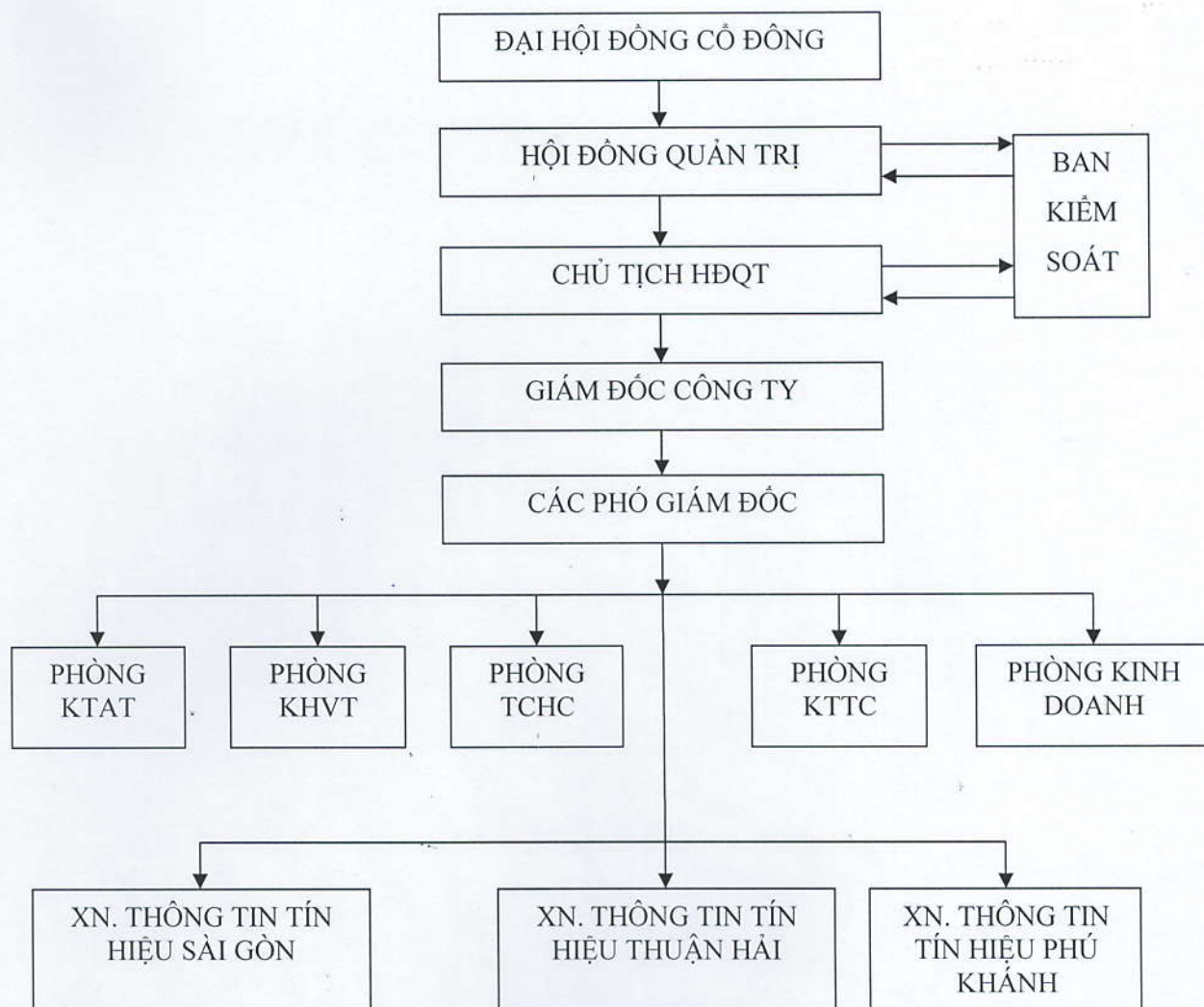
+ Ban điều hành : 3 người gồm (01 giám đốc và 02 phó giám đốc)

+ Các phòng: Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Vật tư, Tổ chức hành chính, Kinh doanh, Tài chính Kế toán.

+ Các Chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Sài Gòn.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Thuận Hải.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Khánh Hòa.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure:



3. Quá trình tăng vốn điều lệ từ khi chuyển sang Công ty cổ phần:

Từ khi chuyển sang Công ty cổ phần chưa tăng vốn;

4. Định hướng phát triển/Development orientations

4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, tăng trưởng doanh thu hàng năm, tăng thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông Tham gia các hoạt động xã hội và có trách nhiệm với các hoạt động xã hội khi có yêu cầu;

- Sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả, có lợi nhuận hàng năm tăng cao; trả cổ tức đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích các cổ đông và người lao động.

- Doanh thu ngoài sản xuất chính hàng năm đạt trên 20% tổng doanh thu. Thực hiện thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước.

- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 9% /năm trở lên.

4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống tin tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;

- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc; không có trở ngại, chậm tàu do chủ quan gây ra;

- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý Kỹ thuật, Kế hoạch vật tư, Tài chính, Tổ chức nhân sự;

- Tiếp tục lắp đặt hệ thống giám sát cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTĐ, giám sát các thiết bị TTTT khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cản chắn tự động tại các đường ngang cảnh báo tự động (ĐN CBTĐ);

- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng; bên cạnh đó sử dụng nguồn cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHT ĐS) được Tổng công ty đặt hàng hàng năm củng cố hệ thống đường cột, hệ thống cáp quang nhằm nâng cao chất lượng và hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Thay đổi và có sự khác biệt hóa, chuyên nghiệp trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình, dự án theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài:

- Tham gia thầu, thầu phụ, thi công các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án “Hiện đại hóa thiết bị TTTT Vinh-Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2; Các dự án về an toàn đường ngang; Dự án Đường sắt nội đô Tp. Hồ Chí Minh tuyến Metro số 1 từ chợ Bến Thành đến Suối Tiên và xúc tiến tham gia thi công các tuyến khác;

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, khai thác hiệu quả các tài sản và nguồn vốn Công ty đang quản lý sử dụng đặc biệt là các là đất và các tài sản gắn liền với đất mà Công ty đang quản lý sử dụng tại các khu vực có lợi thế kinh doanh như Sài Gòn, Long Khánh, Nha Trang;

- Đột phá tạo thương hiệu trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

b. Giải pháp về nguồn vốn

• Huy động vốn:

- Lựa chọn đối tác, hạn chế thi công các công trình, dự án có nguồn vốn không rõ ràng; dự án chưa được bố trí vốn hoặc bố trí vốn nhiều năm khó thu hồi vốn;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt, nghiệm thu các công trình, dự án;

- Sau khi công trình đã hoàn thành nghiệm thu đẩy nhanh tiến độ thanh toán, thu hồi vốn đã ứng trước để thi công các công trình, dự án, hạn chế tối đa thời gian thanh toán kéo dài đối với các dự án XD CB dẫn đến nợ tồn đọng, nợ khó đòi;

- Liên doanh liên kết tạo nhiều nguồn vốn từ các đối tác và nguồn vốn xã hội hóa.

• Quản lý vốn:

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn hiện có;

- Đầu tư có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh tốc độ luân chuyển của nguồn vốn đầu tư;

- Thực hiện tạm ứng theo hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn chưa được thanh toán. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ,

nhất là các khoản nợ kéo dài. Xây dựng quy chế quản lý nợ, có chế tài thích hợp để thu hồi công nợ có hiệu quả, thực hiện đúng quy chế quản lý nợ của Công ty .

c. Giải pháp về nguyên vật liệu

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu phù hợp với thực tế. Căn cứ vào hồ sơ Phương án giá bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS, hồ sơ thiết kế công trình, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất kinh doanh; phối hợp đồng bộ từ khâu thiết kế, dự toán, cung ứng vật liệu và tổ chức thi công các công trình;

- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;

- Ký hợp đồng cung ứng theo kế hoạch với bên cung ứng, linh động khâu thanh toán, giảm thời gian vận chuyển;

- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất, vật tư dự phòng giải quyết trở ngại, vật tư chuyên ngành.v.v.. nhưng không làm ứ đọng vốn.

d. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng những thiết bị hiện có để duy trì năng lực của thiết bị, tài sản, rà soát lại các thiết bị không sử dụng hoặc năng lực sử dụng thấp để bán, thanh lý thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, không gây ô nhiễm môi trường;

- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;

- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận và từng bước làm chủ công nghệ và kỹ thuật xây dựng mới, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;

- Có phương án kinh doanh hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty đang quản lý sử dụng;.

e. Giải pháp về lao động tiền lương

- Về chính sách lao động:

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước; tự học tập, học hỏi, đọc tài liệu...

- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề...;

- *Về chính sách tiền lương*

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động các chế độ hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: xác định tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; áp dụng khoa học kỹ thuật và công cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.

- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người xác định mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các Chi nhánh theo nhiệm vụ được giao;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

f. Giải pháp về mở rộng thị trường:

Công tác mở rộng thị trường được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất, hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án đã được bố trí vốn;

- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh;

- Tiếp tục củng cố và giữ vững thị trường, địa bàn chính đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;

- Về ngắn hạn: đấu thầu và trúng thầu thực hiện thi công các công trình chống ảnh hưởng của đường dây điện lực sang hệ thống TTTH ĐS; Lắp đặt cần chắn tự động đường ngang CBTĐ; Các dự án an toàn giao thông đường sắt theo QĐ 1856 của Thủ tướng chính phủ GD3;

Dự án nâng cao năng lực đường sắt dự kiến 7.000 tỷ giai đoạn năm 2017-2020;

- Về dài hạn, Công ty tiếp tục tham gia đấu thầu, thi công các công trình phục vụ hiện đại hóa TTHH đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt; Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án “Hiện đại hóa thiết bị TTHH Vinh-Tp. HCM GD2. Các dự án về thông tin tin tín hiệu thuộc đường sắt nội đô TP. Hồ Chí Minh;

- Đột phá tạo sự chuyên nghiệp trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công;

5. Các rủi ro/ Risks:

- *Rủi ro kinh tế*: Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đặc biệt khi doanh thu của công ty phần lớn phụ thuộc vào hoạt động sản xuất công ích được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước. Nợ công Việt Nam ngày càng có xu hướng tăng cao, tuy vẫn nằm trong giới hạn cho phép của Quốc Hội, nhưng với tình hình nợ công cao sẽ dẫn tới eo hẹp ngân sách và nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đường sắt ít nhiều bị ảnh hưởng.

- *Rủi ro pháp lý*: năm 2017 đánh dấu một bước quan trọng sau 1 năm khi công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần và đăng ký đại chúng, lưu ký chứng khoán, giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom. Mô hình mới có nhiều quy định pháp lý mới, đòi hỏi công ty phải cập nhật và đổi mới cho phù hợp.

- *Rủi ro cạnh tranh*: Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối doanh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần đổi mới cho nền kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn, đòi hỏi công ty phải có sự thay đổi về năng lực cạnh tranh.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (đã được kiểm toán)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1	Doanh thu	160.990.627.131	114.533.316.164
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	28.009.828	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	160.962.617.303	114.533.316.164

	vụ. Trong đó: Doanh thu khắc phục thiên tai do bão số 12 năm 2017 là: 37.331.403.855,đ		
4	Giá vốn hàng bán Trong đó: GVHB công trình khôi phục thiên tai cơn bão số 12 năm 2017: 37.331.403.855,đ	135.500.160.733	93.821.623.528
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d/vụ	25.462.456.570	6.117.331.471
6	Doanh thu hoạt động tài chính	249.522.996	49.045.706
7	Chi phí tài chính	197.669.344	475.367.596
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.047.369.143	14.168.039.275
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.466.941.079	6.117.331.471
11	Thu nhập khác	-	-
12	Chi phí khác	-	318.537.318
13	Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.466.941.079	5.798.794.153
14	Thuế TNDN	1.293.388.216	1.223.466.294
15	Lợi nhuận sau thuế	5.173.552.863	4.575.327.859

Ghi chú: Ngày 04/11/2017 cơn bão số 12 đổ bộ vào Nam Trung bộ nước ta và làm hư hỏng và thiệt hại nặng cho các thiết bị thông tin tín hiệu từ bắc tỉnh Ninh Thuận đến ga Diêu Trì thuộc tỉnh Bình Định với chiều dài trên 300 km. Doanh thu công trình khắc phục hậu quả bão số 12 là 37.331.403.855, đồng, thanh toán theo thực chi, không lợi nhuận;

Sau một năm thực hiện Cổ phần hóa, Công ty đã tích cực tìm kiếm việc làm, thực hiện tốt công tác quản trị, SXKD đạt hiệu quả với các chỉ tiêu năm 2017 đều đạt và tăng so với năm 2016:

Năm 2017 doanh thu (ngoại trừ công trình khắc phục bão số 12) so với năm 2016 tăng 8%; doanh thu đã bao gồm công trình khắc phục cơn bão số 12 năm 2017 tăng so với năm 2016 là 140%;

Lợi nhuận năm 2017 so với năm 2016 : tăng 13 %

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- **Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:**

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Thành viên điều hành
3	Lê Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

2.1.1. Ông Nguyễn Ngọc Hòa

- Ngày sinh: 02/5/1959 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 89 Hoa Lan, P2, Phú Nhuận, TPHCM
- Số CMND: 022748828 Nơi cấp: TPHCM Ngày cấp: 11/11/2005
- Điện thoại: 0908.885.126
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thông tin Đường sắt, Cử nhân QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1982 – 1985: tập sự, làm Công nhân tại Trạm đo thử Tuy Hòa, Hạt Thông tin tín hiệu Tuy Hòa, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn.
 - + Từ 1985 – 1988: làm cán bộ Giám sát kỹ thuật tại Hạt TTTH trung tâm Sài Gòn – Xí nghiệp TTTH ĐS Sài Gòn.
 - + Từ 1988 – 1992: là cán sự Kế hoạch – phòng Kế hoạch vật tư - Xí nghiệp Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn;
 - + Từ tháng 5/1992 – tháng 12/1997: làm Phó phòng Kế hoạch vật tư - Xí nghiệp Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn
 - + Từ tháng 12/1997 – tháng 02/1999: làm Trưởng phòng Kế hoạch vật tư - Xí nghiệp

Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn

- + Từ tháng 2/1999 – tháng 06/2007: làm Phó Giám đốc Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn.
- + Từ tháng 7/2007 – tháng 09/2010: làm Giám đốc Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn;
- + Từ tháng 24/9/20010 – tháng 11/2015: làm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn;
- + Từ tháng 12/2015 đến nay: là Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên TTTH đường sắt Sài Gòn., Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần TTTH Đường Sắt Sài Gòn từ tháng 01 năm 2016.

- Sở hữu chứng khoán:

- + Sở hữu cá nhân: 18.300 Tỷ lệ: 0,60%
- + Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: 1.164.600; Tỷ lệ: 37,88%
- + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Hưởng lương, thưởng, thu nhập khác từ Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.1.2. Ông Phạm Văn Dũng

- Ngày sinh: 06/8/1963 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Thanh Hà, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TPHCM
- Số CMND: 024874649 Nơi cấp: TPHCM Ngày cấp: 23/2/2008
- Điện thoại: 0903761641
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tín hiệu Đường sắt, cử nhân kinh tế QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công

ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
- + Từ tháng 3/1987 – tháng 10/1987: tập sự, làm Công nhân TTTH Hạt Phú Khánh 2 XN TTTH ĐS Sài Gòn.
- + Từ tháng 11/1987 – tháng 2/1989: là công nhân tại Hạt TTTH Thuận Hải.

- + Từ tháng 03/1989 – tháng 2/1990: Giám sát kỹ thuật Hạt TTTH Thuận Hải.
- + Từ tháng 03/1990 – tháng 12/1990: Hạt Phó Hạt TTTH Thuận Hải.
- + Từ tháng 01/1991 – tháng 8/1991: Quyền hạt Trưởng Hạt TTTH Thuận Hải.
- + Từ tháng 09/1991 – tháng 01/1998: Hạt Trưởng Hạt TTTH Thuận Hải.
- + Từ tháng 02/1998 – tháng 8/2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TTTH ĐS Sài Gòn.
- + Từ tháng 09/2004 – tháng 6/2011: Phó Giám đốc Công ty TTTH ĐS Sài Gòn.
- + Từ tháng 07/2011 đến 30/11/2015: là Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên TTTH đường sắt Sài Gòn;
- + Từ tháng 01/12/2015: được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc công ty TNHH một thành viên TTTH ĐS Sài Gòn, Giám đốc Công ty Cổ phần TTTH Đường Sắt Sài Gòn tháng 01/2017

Sở hữu chứng khoán:

- Sở hữu cá nhân: 15.800 Tỷ lệ: 0,51%
- Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: 1.164.600; Tỷ lệ: 37,88%.
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.1.3. Ông Lê Đức Dũng

- Ngày sinh: 01/10/1962 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Trường Yên, Hoa Lư, Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 183 Nguyễn Văn Công, phường 3, Gò Vấp, Tp. HCM
- Số CMND: 023414354 Nơi cấp: TPHCM Ngày cấp: 06/3/2008
- Điện thoại: 0913 806 021
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật thông tin Đường sắt, Cử nhân Luật
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT; TP. Kế hoạch

vật tư

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

+ Từ 06/1983 -12/1985: Tập sự công nhân TTTH tại Cung TTTH Tháp Chàm, Hạt

Thuận Hải, Xí nghiệp TTTH số 5.

+ Từ 12/1985 - 02/1986; Kỹ thuật viên – Hạt Thông tin tín hiệu Thuận Hải, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Số 5

+ Từ 03/1986 – 12/1989: Kỹ thuật viên Hạt TTTH Sài Gòn – Mường Mán, Xí nghiệp TTTH TP. Hồ Chí Minh.

+ Từ 01/1990 – 10/1993: Giám sát kỹ thuật Hạt Thông tin tín hiệu Sài Gòn Mường Mán, Xí nghiệp TTTH TP. Hồ Chí Minh.

+ Từ 11/1993 – 05/1996: Phó chủ tịch công đoàn chuyên trách, Xí nghiệp TTTH TP. Hồ Chí Minh.; Phó Bí thư Đảng ủy Xí nghiệp (2004-2006).

+ Từ 06/1996 - 12/2003: Chủ tịch Công đoàn chuyên trách (XN), Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 01/2004 - 03/2006: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, thành viên Hội đồng quản trị Công ty xây dựng công trình 135 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông I

+ Từ 04/2006 – 10/2006: Phó Trưởng phòng - phòng Tổ chức lao động Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 11/2006 – 11/2010: Trưởng phòng - phòng Tổ chức lao động Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 12/2010 – 01/2016: Trưởng phòng - phòng TCLĐ (Tổ chức hành chính từ 7/14), Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 01/2016 – nay: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng - phòng Kế hoạch vật tư, Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

- Sở hữu chứng khoán:

- Sở hữu cá nhân: 14.400 Tỷ lệ: 0,47%

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.2 Thành viên Người quản lý Công ty - Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

- + Từ tháng 9/2000 – tháng 6/2004 cán bộ phòng Kỹ thuật;
- + Từ tháng 7/2004 – tháng 11/2009 Phó phòng, - phòng Kỹ thuật thiết kế;
- + Từ tháng 12/2009 – 06/2011, Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn Công ty TTTH ĐS Sài Gòn;
- + Từ tháng 7/2011 – 11/2012 là Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn Công ty TNHH một thành viên TTTH đường sắt Sài Gòn.
- + Từ tháng 01/12/2015: được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc công ty TNHH một thành viên TTTH ĐS Sài Gòn, Phó Giám .

Sở hữu chứng khoán:

- Sở hữu cá nhân: 14.400 Tỷ lệ: 0,47%
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.2.3 Ông Ưng Nhật Phương

- Ngày sinh: 30 /10/1974 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Hưng Lộc, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: số 31D9TH12, KP3, Phường Đông Hưng Thuận, Quận12, Tp. HCM
- Số CMND: 025689282 Nơi cấp: TPHCM Ngày cấp: 16/01/2013
- Điện thoại: 0913.163006
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Viễn thông, Cử nhân QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể,...).
Tháng 11/1993 đến tháng 09/1994	Công nhân Cung TTTH Sông Lũy thuộc Hạt Thông tin tín hiệu Đường sắt Thuận Hải

Tháng 10/1994 đến tháng 10/1996	Học trung cấp tại Trường kỹ thuật nghiệp vụ Đường sắt 2
Tháng 11/1996 đến tháng 03/2001	Công nhân Cung TTTT Tháp Chàm thuộc Trung Tâm TTTT Điện Đường sắt Tháp Chàm
Tháng 10/1998	Học Đại học Trường Đại học GTVT Hà Nội.
Tháng 04/2001 đến tháng 03/2004	Giám sát kỹ thuật, Trung Tâm TTTT Điện Đường sắt Tháp Chàm
Tháng 04/2004 đến tháng 08/2004	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Dự án, Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn
Tháng 09/2004 đến tháng 07/2007	Bí thư Đoàn thanh niên chuyên trách, Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn
Tháng 08/2007	Học Đại học Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí minh
Tháng 08/2007 đến tháng 09/2007	Phó phòng Hành chính Tổng hợp, kiêm Bí thư Đoàn thanh niên Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn
Tháng 10/2007 đến tháng 12/2007	Phó phòng Phụ trách Phòng Hành chính Tổng hợp, kiêm Bí thư Đoàn thanh niên Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn
Tháng 01/2008 đến tháng 02/2008	Trưởng phòng Phòng Hành chính Tổng hợp, kiêm Bí thư Đoàn thanh niên Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn
Tháng 03/2008 đến tháng 10/2009	Trưởng phòng Phòng Hành chính Tổng hợp, Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn
Tháng 11/2009 đến tháng 11/2010	Phó phòng Kỹ thuật An toàn, Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn
Tháng 12/2010 đến tháng 07/2015	Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty TNHH MTV TTTT Đường sắt Sài Gòn
Tháng 08/2015 đến tháng 02/2017	Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Cổ phần TTTT Đường sắt Sài Gòn
Từ tháng 03/2017 đến nay	Được bộ-nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

Sở hữu chứng khoán:

- Sở hữu cá nhân: 9.100 Tỷ lệ: 0,29%

đào tạo và phát triển đội ngũ từng bước được hoàn thiện thông qua các chính sách như: tiền lương, tiền thưởng, đãi ngộ, tuyển dụng và đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho người lao động yên tâm công tác.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

1. Tình hình tài chính/Financial situation (xem biểu đính kèm)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng, giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	71.053.203.439	121.117.044.011	(*)
Doanh thu thuần	114.533.316.16	160.962.617.303	12,80%
<i>DT đã ngoại trừ khôi phục bảo số 12(*)</i>	4	123.631.213.448	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.117.331.471	6.466.941.079	19,80
Lợi nhuận khác	-318.537.318	0	
Lợi nhuận trước thuế	5.798.794.153	6.466.941.079	13,50%
Lợi nhuận sau thuế	4.575.327.859	5.173.552.863	14,80%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) (Năm 2017 dự kiến trả 10,5%)	67	62	(*)

(*): Năm 2017 Doanh thu khác phục bảo số 12 là 37.331.403.855, đồng; chi phí 37.331.403.855

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks (xem biểu đính kèm)

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2016	Năm/Year 2017	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,16	1,30	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: (TSNH – hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn Short term Asset/ Inventories Short term Debt	1,05	1,11	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/Capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,50	0,06	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	1,01	1,97	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	6,18	8,86	(a)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	4,%	4,18%	(b)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	15%	17%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	6%	5%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operatingprofit/Net revenue Ratio)	5%	13%	

Ghi chú (a), (b): Doanh thu thuần năm 2017 đã trừ giá trị công trình khôi phục bão số 12 là 37.331.403.855, đồng do NSNN thanh toán theo thực chi và không lợi nhuận.

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Thể hiện năng lực tài chính của Công ty có khả năng thanh toán cho các cá nhân, tổ chức có quan hệ với Công ty về các khoản vay hoặc nợ trong quan hệ mua bán, cung cấp các dịch vụ và các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất cho Công ty hoặc người mua ứng tiền trước. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (Hs) và Hệ số khả năng thanh toán nhanh (Hq) là thước đo khả năng trả các khoản nợ bằng các tài sản ngắn hạn của Công ty. Năm 2017 các chỉ số Hs là 1,30 và Hq là 1,11 (>1) cho thấy khả năng thanh toán nợ của Công ty tốt, khả năng xảy ra rủi ro rất thấp.

- Chỉ tiêu cơ cấu vốn:

+ Chỉ tiêu hệ số nợ/tổng tài sản (Hdt):

Phản ánh tình hình tài chính của Công ty, hệ số này càng nhỏ chứng tỏ khả năng tài chính của Công ty lành mạnh. Hệ số **Hạt** của năm 2017 rất thấp (0,06) cho thấy khả năng tài chính của Công ty lành mạnh, xu hướng phát triển tốt (năm 2016 Hạt là 0,5).

+ Chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (Hdo):

Trong Công ty Cổ phần nợ và vốn chủ sở hữu là hai nguồn tài chính cơ bản phục vụ SXKD của Công ty. Chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giúp nhà đầu tư xác định cơ cấu nguồn vốn của Công ty các khoản nợ chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm. Khi hệ số **Hdo** > 1: phản ánh tình hình tài chính của Công ty được đảm bảo bằng các khoản nợ, ngược lại hệ số này < 1 cho biết Vốn của Công ty được tài trợ bởi chủ sở hữu.

Năm 2016 hệ số Hdo là 1,01 và Năm 2017 là 1,97.

Nguyên nhân Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng: Ngày 04/11/2017 cơn bão số 12 đổ bộ vào nam Trung bộ và gây hư hỏng nặng nề cho các thiết bị thông tin tín hiệu của Công ty trải dài trên 300 km từ tỉnh Bình Định đến bắc tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã huy động mọi nguồn lực để cứu chữa, khắc phục bão số 12 với tổng giá trị thực hiện 41,06 tỷ đồng. Công trình do thiên tai gây ra theo quy định của pháp luật thanh toán theo thực chi, không có lợi nhuận. Công ty đang chờ các Cơ quan thực hiện các thủ tục và thanh toán sau năm 2017. Trong khi chờ NSNN thanh toán Công ty đang thiếu nợ mua vật tư phụ tùng, nợ một phần tiền lương, phụ cấp của các bên tham gia khắc phục bão do vậy nợ phải trả tăng lên làm cho hệ số **Hdo** tăng so với năm 2016 là $(1,97 - 1,01 = 0,96)$;

- Hệ số vòng quay hàng tồn kho (Hic)

+ Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là khối lượng các công trình thông tin tín hiệu đang thi công chiếm 91% và vật liệu phục vụ sản xuất, dự phòng giải quyết trở ngại thiết bị chiếm 9%; Hệ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty là số lần mà hàng tồn kho luân chuyển trong kỳ, hệ số này cho biết khả năng quản trị hàng tồn kho của Công ty tốt hay xấu; hệ số vòng quay hàng tồn kho càng lớn chứng tỏ hàng hóa, sản phẩm tồn kho ít, hàng hóa tiêu thụ nhanh, khối lượng các công trình thi công hoàn thành nghiệm thu và thanh toán thu hồi vốn nhanh, tiền không bị đọng vào giá trị hàng tồn kho, công tác quản trị ở khâu sản xuất và quản lý tốt.

Hệ số Vòng quay hàng tồn kho năm 2016 là 6,18 vòng/năm; Năm 2017 là 8,86 vòng/năm Hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng chứng minh sự hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng vốn lưu động của Công ty.

- Chỉ tiêu khả năng sinh lời:

Khả năng sinh lời là năng lực của Công ty trong việc sáng tạo ra lợi nhuận. Hệ số khả năng sinh lời năm 2017 luôn được duy trì và tăng trưởng năm sau luôn cao hơn năm trước cho thấy hiệu quả SXKD, trách nhiệm của Công ty đại chúng. Đặc biệt 2 chỉ tiêu quan trọng nhất đối với cổ đông của công ty là *lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản* (ROA) được duy trì ở mức ~ 6% và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2017 là 17% (năm 2016 ROE là 15%) các cổ đông sẽ tin tưởng vào lợi ích sẽ mang lại khi đã quyết định đầu tư vào Công ty.

3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity. (xem biểu đính kèm)

3.1 Cơ cấu cổ phần

Diễn giải	Số lượng
Tổng số cổ phần	3.074.100
Loại cổ phần	Phổ thông
Trong đó :	
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	2.912.900
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	161.200

3.2 Cơ cấu cổ đông

Diễn giải	Yếu tố	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Phân theo tỷ lệ sở hữu	x	3.074.100	100,00
Cổ đông lớn (TCT Đường sắt Việt Nam)		2.329.200	75,77
Cổ đông nhỏ		744.900	24,23
Phân theo tổ chức, cá nhân	x	3.074.100	100
Cổ đông tổ chức		2.329.200	75,77
Cổ đông cá nhân		744.900	24,23
Phân theo yếu tố nước ngoài	x	3.074.100	100,00
Cổ đông trong nước		3.074.100	100,00
Cổ đông nước ngoài		0	0
Phân theo yếu tố nhà nước	x	3.074.100	100,00
Cổ đông nhà nước		2.329.200	75,77

Cổ đông khác		744.900	24.23
--------------	--	---------	-------

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company).

- Xem phụ lục kèm theo

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Kỳ báo cáo năm 2017	Cùng kỳ báo cáo 2016	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
I	Sản lượng chủ yếu	Tr.đ	132.342	177.059	125.986	140,54	134
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	120.311	160.963	114.533	140,53	133
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	120.311	160.963	114.533	140,53	134
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	0	250	49	510,00	
3	Thu nhập khác	Tr.đ	0	0	0	0	
III	Tổng chi phí	Tr.đ	114.211	154.547	108.784	142,00	135
1	Giá vốn	Tr.đ	95.211	135.500	93.821	145,26	142
2	Chi phí kinh doanh	Tr.đ	19.000	19.047	14.168	134,43	100
3	Chi phí tài chính/CP khác	Tr.đ	0	198	475	41,68	
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.100	6.467	5.798	111,54	106
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.880	5.174	4.575	113,09	106
VI	Thu nhập BQ	tr/ng/tháng	9,9	11,00	9,9	111	111

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

2.1. Tình hình tài sản/ Assets

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối		Tăng (giảm) (%)	Tỷ trọng (%)		
	Số cuối năm	Số đầu năm		Cuối năm	Đầu năm	Tăng /giảm
Tài sản ngắn hạn	104.837.182.949	52.544.794.248	+52.292.388.701	199	50	149
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.221.023,226	4.657.820.180	+9.563.203.046	305	33	272
Các khoản phải thu ngắn hạn	83.605,220.268	32.728.298.898	+50.876.921.370	255	39	216
Hàng tồn kho	7.010.939.415	15.158.675.170	-8.147.735.755	46	216	-170
TSNH khác			-			
Tài sản dài hạn	16.279.861.062	18.508.409.191	-2.228.548.129	80	113	-33
Tài sản cố định	11.525.002.514	13.098.472.990	-1.573.470.476	88	113	-25
Tài sản dài hạn khác	4.734.858.548	5.142.245.565	-407.387.017	92	108	-16
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	121.117.044.011	71.053.203.439	50.063.840.572	170	58	112

2.2. Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối			Tăng (giảm) (%)
	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng (giảm)	
Nợ ngắn hạn	85.702.778.362	35.736.875.580	49.965.902.782	239
Nợ dài hạn	58.080	-	-	
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	85.760.858.362	35.736.875.580	50.023.982.782	239

Nợ phải trả hiện tại của công ty là 85,7 tỷ đồng, chiếm 70% tổng tài sản (nợ ngắn hạn chiếm 99,95%). Cứ 100 đồng tài sản của Công ty có 70 đồng là vốn vay, tỷ lệ này phù hợp đối với Công ty. Các khoản nợ của Công ty chủ yếu nợ NLD về các khoản thanh toán chi vào tháng 1 năm sau và nợ nhà cung ứng vật liệu công trình khôi phục bảo số 12.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management:

Khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Công ty đã có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, sắp xếp mô hình quản lý và sản xuất theo hướng tập trung vào nhiệm vụ sản xuất chính là quản lý bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, sửa chữa định kỳ, SCL hạ tầng đường sắt ... và nhiệm vụ SXKD, dịch vụ ngoài sản

xuất chính bước đầu đã mang lại hiệu quả.

- Xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý phù hợp với Công ty cổ phần. Xây dựng hệ thống thang bảng lương mới, phù hợp với mô hình mới, góp phần thúc đẩy năng suất lao động.
- Bộ máy tổ chức được tinh giảm do quy mô giảm từ 6 chi nhánh còn 3 chi nhánh, các phòng ban công ty được tách biệt, phân lại theo xu hướng chuyên môn hóa chức năng nhiệm vụ.
- Thực hiện chính sách tinh giảm lao động sau cổ phần hóa, cổ đông người lao động không đáp ứng được mô hình mới chấm dứt hợp đồng sau khi tiến hành các chính sách đối với lao động dôi dư. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng mới với tiêu chí mới cũng được đề cao.
- Tiết kiệm, tinh giảm các chi phí thuộc chi phí chung.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

Năm 2018 tiếp tục những kết quả đã thực hiện được sau 2 năm thực hiện cổ phần hóa, hệ thống luật pháp đối với Công ty cổ phần đã đi sâu vào công tác điều hành, thực hiện trong Công ty. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty đại chúng đặc biệt là quyền lợi của cổ đông. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của NLD hàng năm đều tăng cao. Cổ tức của cổ đông hàng năm được chi trả từ 10% trở lên.

- Đứng trước những thách thức của giai đoạn mới và tình hình kinh doanh của năm 2016 và năm 2017 đã qua, các công việc trọng tâm trong năm 2018 như sau:
 - Về tổ chức: Duy trì bộ máy tổ chức theo mô hình hiện tại, tinh gọn, đa năng với mục tiêu đặt hiệu quả công việc lên hàng đầu.
 - Về chi phí: Xây dựng lại hệ thống chi phí, kế hoạch hóa và kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận;
 - Về doanh thu: Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề sản xuất chính vẫn là công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng ĐS quốc gia, ngoài ra Công ty tập trung vào 2 mảng tiềm năng là công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, phấn đấu tăng trưởng tỷ trọng doanh thu từ 2 mảng này chiếm trên 20% doanh thu. Đa dạng hóa marketing, nâng cao năng lực đấu thầu công trình dự án.
 - Về con người: thực hiện chính sách tuyển dụng mở, tuyển dụng dựa trên tiêu chí chất lượng lao động, thành thạo công việc, có kinh nghiệm và tay nghề cao.
 - Về công nghệ: áp dụng công nghệ vào việc quản lý, thay thế dần các công đoạn thủ công hiện tại tối đa việc sử dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong quản lý ở tất cả các khâu kỹ thuật, nhân sự, hành chính, tài chính kế toán, văn phòng Chi nhánh và các tổ sản xuất. Nâng cao

chất lượng mạng Land nội bộ Công ty từ Công ty tới các tổ sản xuất nhằm đưa thông tin chỉ đạo thực hiện SXKD kịp thời, giảm chi phí đi lại, hội họp, tiết kiệm chi phí chung làm gia tăng lợi nhuận;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/
Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/
Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Đối với hoạt động kinh doanh:

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2017

1.1. Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và chỉ tiêu:

- Tổng doanh thu 161,21 tỷ đồng.

Trong đó:

Doanh thu SXKD đạt 123,8 tỷ đồng; khắc phục bão số 12 là 37,3 tỷ đồng, tăng 40,7% so với năm 2016 là 114,58 tỷ, tăng 34,2% so với kế hoạch (120,31 tỷ)

- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 21,3%.
- Lợi nhuận trước thuế 6,46 tỷ, tăng 11,5 % so với năm 2016 (5,7 tỷ), tăng 6% so với kế hoạch (6,1 tỷ);
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu : 17%
- Cổ tức dự kiến :10,5%, tăng 5% so với năm 2016
- Thu nhập bình quân đạt 10,5 tr.đ/người/tháng, tăng so với năm 2016 (9,9 tr.đ).
- Tiền lương, thù lao của người quản lý:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tiền lương	Năm 2017		Chi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	
	Quỹ lương, thù lao người quản lý	1.962	2.153	Do lợi nhuận thực hiện tăng 5% so với KH
-	Quỹ lương người quản lý	1.908	2.099	
-	Thù lao NQL không chuyên trách	54	54	

1.1.1 Kế hoạch quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt :

a) Khối lượng

Hoàn thành 100% kế hoạch sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt.

Số TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Đường truyền tải	Km/tr	1.127,446	
2	Trạm tổng đài	Trạm	140,085	
3	Tín hiệu ra vào ga	Hệ	1.449,475	
4	Thiết bị khống chế	Bộ	382,317	
5	Thiết bị điều khiển	Đài	1.711,566	
6	Cáp tín hiệu	Km/sợi	1.118,280	
7	Thiết bị nguồn	Cung	49,841	

b) Doanh thu:

- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch : 100%
- QL, BDTX KCHT đường sắt : 86,44 tỷ đồng
- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch : 100%
- Tỷ lệ thực hiện so với năm 2016 (77,9 tỷ) : tăng 11%
- Thực hiện các yếu tố chi (chi tiết xem mục 2 Phụ lục)
- Sửa chữa định kỳ < 500 triệu: Thực hiện công trình Sửa chữa đường ngang CBTĐ, lắp đặt bổ sung cần chắn tự động cho 26 đường ngang với doanh thu: 10,91 tỷ đồng

1.1.2 Công trình kinh doanh và dịch vụ: Doanh thu 34,40 tỷ đồng

a) Công trình: thực hiện 24 công trình và hạng mục với doanh thu: 30,71 tỷ đồng

b) Dịch vụ: doanh thu 3,69 tỷ đồng.

1.2. Công tác kỹ thuật – an toàn:

1.2.1 Thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng:

Chỉ tiêu chất lượng

- Đảm bảo an toàn chạy tàu, ATLĐ và PCCN 100%
- Chất lượng duy tu thiết bị đạt : 98,53%, giảm 0,9% so với năm 2016 (chỉ tiêu ≥ 99,43).
- Hiệu suất khai thác thiết bị TTTT đạt: 99,00%, phấn đấu bằng năm 2016 (99,68%).

- Độ ổn định đường ngang cảnh báo tự động >99,95% , phần đầu bằng năm 2016 (100%)
- Sự cố chậm tàu ≤ 3 vụ, thời gian giải quyết trở ngại chậm tàu ≤ 45 phút (mỗi XN 1 vụ ≤ 15 phút), phần đầu giảm tối đa trở ngại chậm tàu, không liên quan đến chậm tàu.

Hư hỏng thiết bị phụ kiện <39 vụ, giảm 5% so với năm 2016.

1.2.2 Xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2017

- Hoàn thành 100% công tác quản lý bảo dưỡng SCTX, sửa chữa định kỳ < 500 triệu đồng. Thiết bị tín hiệu 6502 các ga; chống ảnh hưởng điện lực; các công trình đường ngang; di chuyển TTTH các cầu yếu;
- Phối hợp kinh doanh có hiệu quả các điểm mặt bằng nhà đất trong Công ty.
- Tham gia các phần việc đường sắt nội đô tuyến số 1 Bến Thành – Suối Tiên.
- Đẩy mạnh công tác gia công sản xuất phụ kiện tín hiệu.
- Quản lý tốt thiết bị mới sau bảo hành. Thực hiện 02 chương trình kỹ thuật. Đẩy mạnh công tác khoa học công nghệ, thực hiện từ 1 đến 2 đề tài NCKH cấp Tổng công ty và 2-3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Công ty, các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất.

1.2.3 Xây dựng cơ chế, công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật đối với công ty đại chúng
- Quản lý tốt công tác liên quan đến cổ đông
- Xây dựng, có kế hoạch cụ thể điều chỉnh quy định, hoàn thiện cho Công ty cổ phần
- Xây dựng chỉnh sửa ban hành các tài liệu thuộc hệ thống quản lý chất lượng
- Xây dựng ban hành các kế hoạch cho hoạt động của Công ty năm 2017
- Thực hiện tốt, kịp thời công tác kế toán quản trị, quản trị tài chính trong và sau khi lập BCTC hàng quý.
- Hệ thống định mức sử dụng, tiết kiệm chi phí , khoán phù hợp

1.2.4 Đánh giá tác động của môi trường và xã hội

Công ty hàng năm không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đối với môi trường và xã hội nhưng tiêu chí trong SXKD Công ty luôn luôn xác định xây dựng đơn vị phát triển bền vững , có trách nhiệm với môi trường và xã hội thể hiện trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị. Không gây ảnh hưởng đối với môi trường, xã hội trong quá trình thi công dự án, vận hành thiết bị, thực hiện nghĩa vụ đối với địa phương và Nhà nước theo quy định pháp luật...;

1.2.5 Công tác tổ chức bộ máy quản lý:

Bộ máy công ty đã được tinh gọn hơn theo xu hướng giảm lao động, bố trí hợp lý. Bộ phận trực thuộc từ 06 Chi nhánh tổ chức lại với 03 Chi nhánh. Các phòng ban cũng được bố trí lại theo chức năng quản lý, bảo dưỡng SCTX, sửa chữa định kỳ các công trình < 500 triệu đồng và SXKD, dịch vụ do vậy đã khai thác tối đa mọi nguồn lực hiện có trong đó các hoạt động dịch vụ của Công ty đã mang lại hiệu quả hơn những năm trước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

(Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance)

- Năm 2017 Công ty gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt trong tháng 11/2017 cơn bão số 12 gây thiệt hại nghiêm trọng cho đường dây, thiết bị Thông tin tín hiệu, tuy nhiên Ban Giám đốc đã nỗ lực điều hành vừa đảm bảo nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị đồng thời khắc phục hậu quả thiên tai do bão số 12 gây ra đạt kết quả ấn tượng với doanh thu và lợi nhuận năm 2017 tăng 40%, lợi nhuận tăng 10,5% so với năm 2016, Ban Giám đốc đã đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao đối với việc điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chú trọng công tác quản trị tài chính, an toàn, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, quy định, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong hoạt động của Công ty.

- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế trên cơ sở các kế hoạch của Hội đồng Quản trị, từ đó hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận năm 2017.

- Giám sát hoạt động, điều hành của Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và Ban điều hành được thực hiện thông qua các kết luận, các ý kiến trao đổi trực tiếp, báo cáo, giải trình kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động tại các phiên họp định kỳ, các Hội nghị giao ban tháng (12 cuộc họp giao ban định kỳ). Các nội dung kết luận được triển khai thực hiện, đã kịp thời giải quyết, điều chỉnh, tháo gỡ nhiều khó khăn, tồn tại như vấn đề chất lượng đường dây thông tin (xà, sứ), điều chỉnh sử dụng hợp lý lao động các phòng, các Xí nghiệp, gắn trách nhiệm của cá nhân với việc khắc phục, xử lý chậm các tồn tại; rà soát, tách bạch tình hình sử dụng và thực hiện giá điện nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và hoạt động SXKD thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong thực hiện quản lý chi phí.

- Giám sát thông qua việc xem xét, xử lý các thông tin từ các báo cáo của BKS; báo cáo tài chính, kết luận của hoạt động kiểm toán, các đoàn kiểm tra quyết toán nguồn, kiểm giám sát hoạt động của người đại diện phần vốn.

- Thường xuyên giám sát, yêu cầu ban điều hành xem xét kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí, kiểm soát công nợ, kiểm soát tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

(Plans, orientations of the Board of Directors)

- Thực hiện nhiệm vụ năm 2018, HĐQT xác định một số trọng tâm hoạt động của Công ty như sau:

- Tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018.

- Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tài chính, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí.

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác để phát triển SXKD, mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, Tuyển dụng, đào tạo có điều kiện, bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường kiểm tra tuân thủ an toàn trong sản xuất, minh

bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions* (nội dung và bản gốc đính kèm)

“ Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

(Kiểm toán viên: Nguyễn Thị Nguyễn Nhung
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3360 – 2015 – 152 – 1)

2. Số liệu báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Nam Việt./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN;
- Sở giao dịch CKHN;
- Các TV HĐQT (Mvb);
- Ban Ks (Mvb);
- Giám đốc Cty (Mvb);
- Websites Công ty;
- Lưu TCKT./.



Phạm Văn Dũng